

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2019/DS-ST
Ngày: 30/09/2019
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Đông Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng.
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:

Bà Đàm Thị Mỏl – Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 06 năm 2019, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68a/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 09 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2019/QĐST- DS ngày 23 tháng 09 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Đỗ Thị C, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1951.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn bà C có mặt tại phiên tòa, bị đơn bà L vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 17/05/2019 và bản tự khai ngày 25/06/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị C trình bày:

Năm 2012 bà C có cho bà L vay số tiền 30.000.000đ và 02 chỉ vàng 24k-9999, lãi suất cho vay tiền là 4%/tháng, lãi suất cho vay vàng là 50.000đ /01 chỉ

vàng/tháng, hai bên có lập biên nhận ngày (25/chạp/2012), thời hạn vay hai bên thỏa thuận đến mùa vụ trả (khoảng 04 tháng). Sau khi vay bà L không trả lãi và gốc đúng theo thỏa thuận nên đến ngày 25/8/2013 bà C tính lãi tiền và vàng như sau: từ ngày 25/12/2012 đến 25/8/2013 là 08 tháng, lãi tiền vay 30.000.000đ x 4%/tháng x 08 tháng = 9.600.000đ, lãi vàng vay: 50.000 đồng x 02 chỉ vàng x 08 tháng = 800.000đ, tổng cộng 10.400.000đ bà C bớt cho bà L số tiền lãi 400.000 đồng, còn lại 10.000.000đ bà C nhập vào tiền vay gốc là 30.000.000đ + 10.000.000đ = 40.000.000đ nên ngày 25/8/2013 bà C lập biên nhận bà L còn nợ số tiền 40.000.000đ và 02 chỉ vàng 24k-9999, bà gạch chéo bỏ biên nhận ngày 25/chạp/2012. Sau khi lập biên nhận ngày 25/8/2013 bà L cũng không trả lãi và gốc cho bà C nên đến ngày 25/3/2014 (âm lịch) bà C tiếp tục tính lãi: từ ngày 25/8/2013 đến ngày 25/3/2014 là 07 tháng, lãi tiền: 40.000.000đ x 4%/tháng x 07 tháng = 11.200.000đ, lãi vàng: 50.000đ/tháng x 02 chỉ vàng x 07 tháng = 700.000 đ, tổng cộng lãi: 11.900.000đ, bà C bớt cho bà L 1.900.000đ còn lại 10.000.000 đ, bà nhập vào số tiền trong biên nhận ngày 25/8/2013 là 10.000.000đ + 40.000.000đ = 50.000.000đ, bà C lập biên nhận ngày 25/3/2014 bà L còn nợ số tiền 50.000.000đ và 02 chỉ vàng 24k -9999 nên bà C gạch chéo biên nhận ngày 25/8/2013. Sau khi lập biên nhận ngày 25/3/2014 bà L có trả cho bà C được 02 lần tổng cộng 25.000.000đ (trong đó: 20.000.000đ tiền lãi + 5.000.000đ tiền gốc) còn nợ lại số tiền vay gốc 25.000.000đ, việc trả nợ tiền không có làm giấy tờ gì hết. Đến ngày 03/5/2016 bà C có lập biên nhận bà L còn nợ số tiền 25.000.000đ và 02 chỉ vàng 24k-9999, bà C gạch chéo phần biên nhận ngày 25/3/2014. Sau khi lập biên nhận ngày 03/5/2016 bà L có trả cho bà C 02 chỉ vàng 24k-9999 còn nợ lại 25.000.000đ, việc trả nợ vàng không có làm giấy tờ gì hết. Nay bà C yêu cầu Tòa án giải quyết theo biên nhận ngày 03/5/2016 buộc bà L trả cho bà C số tiền vay gốc 25.000.000đ không yêu cầu trả lãi, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/06/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị L có ý kiến trình bày như sau:

Bà L thừa nhận có vay tiền và vàng của bà C, nhưng sau đó bà L có trả cho bà C 02 lần tổng số tiền gốc 25.000.000đ và 02 chỉ vàng 24k-9999 (không nhớ rõ ngày tháng trả nợ), bà L thừa nhận chữ ký “L” trong biên nhận ngày 03/5/2016 do bà ký nhưng chữ viết “Nguyễn Thị L” không phải do bà viết. Nay theo yêu cầu của bà C, bà L không đồng ý vì số tiền vay gốc bà L đã trả xong số tiền nguyên đơn yêu cầu trả là số tiền lãi bà không đồng ý trả.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn khẳng định đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét và không cung cấp chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà C có đơn khởi kiện đối với bà L có địa chỉ: ấp ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39

của Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên Tòa hôm nay bà L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà C khởi kiện bà L tranh chấp tiền vay còn nợ. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 là có căn cứ.

[3] Về nội dung: Bà C yêu cầu bà L có trách nhiệm trả cho bà C số tiền vay còn nợ gốc là 25.000.000đ. Bị đơn bà L không đồng ý theo yêu cầu của bà C.

Qua thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

Năm 2012 bà C và bà L thỏa thuận vay tiền, vàng tổng số tiền vay gốc ban đầu là 30.000.000đ và 02 chỉ vàng 24k-9999, lãi suất vay tiền thỏa thuận 4%/1 tháng, lãi suất vay vàng là 50.000đ/1 tháng 1 chỉ vàng 24k-9999, có làm biên nhận vay. Sau khi vay đến thời hạn trả vốn, lãi bà L không trả cho bà C nên các bên tiếp tục tính lãi cộng vốn và làm biên nhận mới. Ngày 25/8/2013 bà C lập biên nhận bà L còn nợ số tiền 40.000.000đ và 02 chỉ vàng 24k-9999, do không tiếp tục trả vốn và lãi cho bà C nên ngày 25/3/2014 bà C tiếp tục tính lãi cộng vốn và làm biên nhận mới còn nợ số tiền 50.000.000đ và 02 chỉ vàng 24k -9999.

Đến ngày 01/01/2015 bà L có trả cho bà C số tiền 15.000.000đ, ngày 03/05/2016 bà L có trả cho bà C số tiền 10.000.000đ. Đến ngày 17/05/2019 bà L trả cho bà C 02 chỉ vàng 24k-9999. Nay bà C yêu cầu Tòa án giải quyết theo biên nhận ngày 03/5/2016 buộc bà L trả cho bà C số tiền vay gốc 25.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Phiên tòa hôm nay bà C thừa nhận các lần bà L trả nêu trên. Tuy nhiên, trong tổng số tiền 25.000.000đ thì số tiền 20.000.000đ tiền lãi, 5.000.000đ tiền gốc. Do đó bà xác định bà L còn nợ lại số tiền vay gốc 25.000.000đ.

Qua ý kiến bà L tại biên bản ghi lời khai ngày 21/06/2019 bà L thừa nhận có vay tiền và vàng của bà C, nhưng sau đó bà L có trả cho bà C 02 lần tổng số tiền gốc 25.000.000đ, số tiền hiện nay bà còn nợ là tiền lãi.

Xét yêu cầu bà C đối với bà L là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, Hội đồng xét xử xét thấy số tiền mà bà L trả cho bà C được xác định là số tiền lãi mà bên vay phải thực hiện nghĩa vụ đối với bên cho vay. Do đó buộc bà L có trách nhiệm trả lãi, vốn cho bà C là đúng quy định. Tuy nhiên, mức lãi suất mà các bên thỏa thuận cao so với quy định, do đó cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp. Số lãi được tính như sau:

- Số tiền vốn 30.000.000đ từ ngày 25/12/2012 đến 01/01/2015 là 36 tháng x 1.125%/ 1 tháng= 12.150.000đ.

- Ngày 01/01/2015 al bà L trả cho bà C 15.000.000đ lãi. Như vậy trừ đi số tiền lãi bà L phải trả cho bà C theo quy định 12.150.000đ (15.000.000đ - 12.150.000đ = 2.850.000đ số tiền đóng lãi còn thừa sẽ trừ vào phần gốc).

Số tiền gốc ban đầu 30.000.000đ - 2.850.000đ (số tiền lãi còn thừa) = 27.150.000đ (số tiền gốc còn lại).

- Ngày 03/05/2016 al bà L trả cho bà C số tiền 10.000.000đ.

Như vậy số lãi được tính như sau:

- Số tiền gốc còn lại 27.150.000đ, tính từ ngày 01/01/2015 al đến ngày 07/06/2016 là 16 tháng x 1,125%/ 1 tháng = 4.887.000đ.

- Ngày 03/05/2016 bà L trả cho bà C 10.000.000đ. Như vậy trừ đi số tiền lãi bà L phải trả cho bà C theo quy định 4.887.000đ (10.000.000đ - 4.887.000đ (số tiền lãi phải trả). = 5.113.000đ (số tiền lãi còn thừa).

Như vậy số tiền lãi còn thừa 5.113.000đ trừ vào số tiền gốc 27.150.000đ (27.150.000đ - 5.113.000đ) = 22.037.000đ (số tiền gốc còn lại).

- Số tiền gốc còn lại 22.037.000đ tính từ 07/06/2016 đến ngày 30/12/2016 là 06 tháng x 1,125%/1 tháng = 1.487.500đ.

- Số tiền gốc 22.037.000đ, tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2019 là 32 tháng x 1,66%/1tháng = 11.706.000đ.

Tổng số tiền lãi mà bà L phải trả cho bà C là 11.706.000đ + 1.487.500đ = 13.193.000đ.

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi bà L phải trả cho bà C là: gốc 22.037.000đ và tiền lãi 13.193.000đ = 35.230.000đ. Tuy nhiên, nay bà C chỉ yêu cầu bà L trả số tiền còn lại 25.000.000đ, xét thấy có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[4] Đối với 02 chỉ vàng 24k- 9999, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận đã thanh toán xong nên không xem xét giải quyết.

[5] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C. Buộc bà L có trách nhiệm trả cho bà C số tiền còn nợ là 25.000.000đ. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Từ những chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định bà L còn nợ bà C số tiền 25.000.000đ. Buộc bà L có trách trả cho bà C số tiền nêu trên là có căn cứ.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 12 Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016. Do yêu cầu của bà C được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bà L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, do thuộc trường hợp người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 12 Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

- 1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị C đối với bà Nguyễn Thị L.
- 2/- Buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị C số tiền vay còn nợ là 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/- Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, do thuộc trường hợp người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên) nên không đề cập xử lý.
- Bà Đỗ Thị C được nhận lại hoàn toàn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0000448 ngày 11/06/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Đông Cúc

Nơi nhận:

- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Đông Cúc

